
ĐẶC TẢ YÊU CẦU NGƯỜI DÙNG (URD)

Dự án: “Hệ thống Quản lý Kiểm toán”

MỤC LỤC

1. TỔNG QUAN HỆ THỐNG	3
1.1.1. Mô hình tổng quan về nghiệp vụ	3
1.1.2. Các phân hệ chức năng	3
1.1.3. Danh sách NSD của hệ thống	3
1.1.4. Trao đổi dữ liệu với hệ thống khác	4
2. YÊU CẦU CHỨC NĂNG	5
2.1. Đánh giá rủi ro ở cấp độ tổ chức (đánh giá vĩ mô)	5
2.1.1. Xây dựng danh mục đối tượng có thể được kiểm toán	5
2.1.2. Thiết lập mô hình đánh giá rủi ro	6

1. TỔNG QUAN HỆ THỐNG

1.1.1. Mô hình tổng quan về nghiệp vụ

1.1.2. Các phân hệ chức năng

Hệ thống phần mềm cần có các chức năng sau:

STT	Mã hiệu yêu cầu	Tên phân hệ chức năng	Mức độ ưu tiên	Nguồn cung YC
1.	UID01	Đánh giá rủi ro cấp độ tổ chức	Cao	
2.	UID02			
3.	UID03			
4.	UID04			
5.	UID05			
6.	UID06			
7.	UID07			
8.	UID08			
9.	UID09			

1.1.3. Danh sách NSD của hệ thống

STT	NSD	Mô tả	Ghi chú
1.	BLĐ doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Phê duyệt Kế hoạch kiểm toán năm - Xem các Báo cáo kiểm toán - Phê duyệt Kế hoạch cuộc kiểm toán - Theo dõi tình hình thực hiện kiến nghị của KT 	
2.	Trưởng bộ phận kiểm toán	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng tiêu chí đánh giá rủi ro cấp độ tổ chức - Đánh giá rủi ro phục vụ lập kế hoạch năm - Lập kế hoạch kiểm toán năm - Phân công người chịu trách nhiệm cuộc kiểm toán - Theo dõi tiến độ thực hiện kế hoạch kiểm toán năm, tiến độ cuộc kiểm toán - Xem các Báo cáo kiểm toán 	

STT	NSD	Mô tả	Ghi chú
		<ul style="list-style-type: none"> Theo dõi đánh giá chất lượng kiểm toán Theo dõi tình hình thực hiện kiến nghị của KT 	
3.	Trưởng nhóm/đoàn kiểm toán	<ul style="list-style-type: none"> Lập kế hoạch cuộc kiểm toán Xác định và đánh giá rủi ro cấp độ quy trình Xây dựng Chương trình kiểm toán Phê duyệt giấy tờ làm việc của KTV Tạo biên bản kiểm toán Theo dõi tiến độ cuộc kiểm toán Tạo, xem báo cáo kiểm toán Theo dõi việc thực hiện kiến nghị kiểm toán Đánh giá chất lượng kiểm toán 	
4.	Kiểm toán viên	<ul style="list-style-type: none"> Xác định và đánh giá rủi ro cấp độ quy trình Xây dựng thủ tục kiểm toán Tạo các giấy tờ làm việc Ghi nhận các phát hiện kiểm toán Đưa ra kiến nghị kiểm toán Theo dõi việc thực hiện kiến nghị kiểm toán 	
5.	Người dùng của đơn vị được KT	<ul style="list-style-type: none"> Cập nhật nội dung thực hiện kiến nghị 	
6.	Admin	<ul style="list-style-type: none"> Quản lý người dùng, phân quyền người dùng Quản lý tham số hệ thống Theo dõi nhật ký hệ thống 	

1.1.4. Trao đổi dữ liệu với hệ thống khác

- Tích hợp với các hệ thống nội bộ của doanh nghiệp để lấy dữ liệu về hoạt động vận hành của doanh nghiệp, thông tin tài chính của doanh nghiệp phục vụ đánh giá rủi ro. Hoặc có chức năng cho phép NSD import dữ liệu qua file excel vào hệ thống KTNB.

- Ví dụ: Tích hợp với hệ thống ERP để khai thác dữ liệu trên ERP (VD: phục vụ việc phân tích báo cáo quản trị), phương án tích hợp thuận tiện nhất cho người dùng để không phải nhập lại hoặc xử lý thủ công qua file excel (xuất dữ liệu từ ERP và import vào phần mềm KTNB)

2. YÊU CẦU CHỨC NĂNG

2.1. Đánh giá rủi ro ở cấp độ tổ chức (đánh giá vĩ mô)

Mục đích: đánh giá các rủi ro ở cấp độ tổ chức (high level) để phục vụ cho việc lập kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm. Việc đánh giá có thể được thực hiện theo các mô hình đánh giá rủi ro khác nhau được áp dụng tại tổ chức/doanh nghiệp. Người đánh giá sẽ chấm điểm rủi ro cho các đối tượng có thể được kiểm toán trong tổ chức/doanh nghiệp trên một thang điểm chung. Từ kết quả chấm điểm rủi ro sẽ xếp hạng mức độ rủi ro cao/trung bình/thấp của đối tượng. Các đối tượng có mức độ rủi ro cao sẽ được cân nhắc đưa vào kế hoạch kiểm toán năm.

2.1.1. Xây dựng danh mục đối tượng có thể được kiểm toán

Mục đích: tạo danh sách tất cả các đối tượng có thể được kiểm toán (audit universe) trong doanh nghiệp/tổ chức để phục vụ việc đánh giá rủi ro vĩ mô, đảm bảo không bị thiếu sót đối tượng nào khi đánh giá

Vai trò thực hiện: Trưởng bộ phận KTNB, KTV

Mô tả yêu cầu:

- Người dùng có thể thiết lập danh mục các đối tượng có thể được KT trong doanh nghiệp/tổ chức. Mỗi doanh nghiệp chỉ có 1 danh mục và danh mục này có thể được cập nhật khi có phát sinh thêm các đối tượng mới hoặc bỏ bớt đối tượng. Người dùng có thể nhập tay hoặc import danh sách này vào hệ thống qua file excel.
- Đối tượng có thể được kiểm toán trong doanh nghiệp có thể là các đối tượng sau:
 - o Các công ty con/công ty liên kết/chi nhánh/phòng giao dịch
 - o Các phòng ban, bộ phận trong doanh nghiệp
 - o Các quy trình hoạt động của doanh nghiệp
 - o Các quy trình hoạt động thuê ngoài
 - o Các hệ thống phần mềm
 - o Các dự án, sản phẩm, chủ đề
- Cho phép người dùng phân nhiều cấp đối tượng (VD: 4-5 cấp) và thiết lập mối quan hệ cha - con giữa các đối tượng để quản lý, tùy theo cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp hoặc theo cách thức phân cấp quản lý của doanh nghiệp. Ví dụ:
 - o Một quy trình (VD: quy trình bán hàng) có thể liên quan đến nhiều phòng/ban tham gia thực hiện

- Một phòng ban lớn có thể gồm nhiều phòng/ban nhỏ. Mỗi phòng/ban có thể có nhiều quy trình hoạt động
 - Một hoạt động kinh doanh lớn của doanh nghiệp có thể liên quan đến nhiều phòng/ban
 - Người dùng có thể phân loại, phân nhóm các đối tượng được KT. Ví dụ: hoạt động, đơn vị phòng/ban, quy trình...Tuỳ thuộc vào cơ cấu tổ chức, vận hành của doanh nghiệp, có thể hoán đổi linh hoạt Đơn vị/Phòng ban là cấp cha của Hoạt động hoặc ngược lại.
- Việc phân cấp và phân loại đối tượng được KT sẽ giúp KTV dễ dàng xây dựng được phạm vi kiểm toán trong các cuộc KT, và đưa ra được đánh giá về mức độ rủi ro của các đối tượng, mức rủi ro của đối tượng cấp cha dựa trên đánh giá rủi ro của đối tượng cấp con
- Phần mềm có chức năng cho phép người dùng nhập các thông tin cơ bản về đơn vị có thể được kiểm toán như mục tiêu, chiến lược, doanh thu, chi phí, nhân sự, các quy trình hoạt động chính, các dự án đang thực hiện, đặc điểm khách hàng, nhà cung cấp, các văn bản quy định pháp luật liên quan, ...Người dùng có thể nhập tay hoặc đính kèm file dữ liệu lên hệ thống và có thể cập nhật thay đổi. Các thông tin này sẽ là cơ sở cho việc đánh giá rủi ro của các đơn vị.
 - Với đối tượng là quy trình, người dùng có thể quản lý thông tin về Process owner – Người phụ trách quy trình đó (gồm tên và email), chịu trách nhiệm về kết quả cuối cùng của quy trình (VD: trưởng phòng), 1 người có thể chịu trách nhiệm nhiều quy trình

2.1.2. Thiết lập mô hình đánh giá rủi ro

Mục đích: mô hình đánh giá rủi ro là công cụ được sử dụng để chấm điểm rủi ro các đối tượng có thể được kiểm toán trong doanh nghiệp, mô hình bao gồm các tiêu chí đánh giá/yếu tố rủi ro, quy định về thang điểm chấm điểm rủi ro, thang điểm xếp hạng rủi ro, hướng dẫn đánh giá rủi ro

Vai trò thực hiện: Trưởng bộ phận KTNB

Mô tả yêu cầu:

- Doanh nghiệp hoạt động ở các lĩnh vực khác nhau sẽ có các rủi ro khác nhau liên quan đến bản chất hoạt động kinh doanh và môi trường hoạt động của doanh nghiệp đó, vì vậy có thể sử dụng các mô hình đánh giá rủi ro khác nhau.
- Phần mềm cho phép người dùng thiết lập danh sách các yếu tố rủi ro bằng cách nhập thủ công hoặc import qua file excel. Người dùng có thể cập nhật bổ sung thêm/bỏ bớt yếu tố rủi ro khỏi danh sách khi cần thiết. Danh sách các rủi ro có thể được phân thành nhiều cấp cha - con để quản lý.

- Các loại đối tượng khác nhau có thể áp dụng mô hình, các yếu tố rủi ro khác nhau để chấm điểm. Ví dụ: mô hình để chấm điểm rủi ro cho chi nhánh có thể khác mô hình chấm điểm rủi ro cho các phòng ban/đơn vị còn lại mà không phải chi nhánh.
- Người dùng có thể phân loại yếu tố rủi ro:
 - **Yếu tố định lượng:** hệ thống tự động chấm điểm rủi ro cho các yếu tố này.
Theo 1 trong 2 cách sau:
 - **PA1:** người dùng tự tính toán giá trị của yếu tố rồi nhập vào phần mềm, phần mềm căn cứ trên thang điểm để quy đổi từ giá trị sang điểm rủi ro
 - **PA2:** dữ liệu báo cáo về hoạt động của DN được người dùng import vào phần mềm qua file excel hoặc được đồng bộ từ hệ thống khác của DN vào phần mềm, người dùng thiết lập công thức tính giá trị của yếu tố định lượng, phần mềm tự động tính toán giá trị của yếu tố từ dữ liệu đầu vào và quy đổi sang điểm rủi ro tương ứng căn cứ trên thang điểm.
 - Trường hợp thiết lập công thức tính giá trị của các yếu tố rủi ro định lượng thì phần mềm sẽ cung cấp một số hàm tính toán phổ biến trong excel, các lựa chọn có sẵn về hàm tính toán sẽ phụ thuộc vào mức độ phức tạp trong công thức tính toán mà doanh nghiệp đang sử dụng. Ví dụ: tính toán tỷ lệ nợ/vốn chủ sở hữu (%), từ kết quả tính toán sẽ quy đổi sang điểm rủi ro
 - **Yếu tố định tính:** KTV dựa trên kinh nghiệm và xét đoán của mình để chọn mức điểm thủ công
- Cho phép thiết lập tỷ trọng (%) của mỗi yếu tố rủi ro để thể hiện mức độ trọng yếu của yếu tố này so với yếu tố khác. Tổng tỷ trọng của tất cả các yếu tố được áp dụng để chấm điểm rủi ro của 1 đối tượng không vượt quá 100%
- Tỷ trọng % của 1 yếu tố rủi ro có thể khác nhau đối với các đối tượng khác nhau thuộc cùng 1 loại. Ví dụ: rủi ro tín dụng chiếm tỷ trọng cao (30%) đối với phòng cho vay nhưng đối với phòng thanh toán lại có tỷ trọng thấp hơn (10%) hoặc không áp dụng (0%). Người dùng có thể điều chỉnh được tỷ trọng % này phù hợp với từng đối tượng khi thực hiện chấm điểm rủi ro.
- **Thang điểm chấm điểm:** Với mỗi yếu tố rủi ro sẽ có 1 thang điểm chấm điểm. VD: thang điểm từ 1 - 5 hoặc 1,3,5 tùy theo cách thức chấm điểm của từng doanh nghiệp. Người dùng có thể thiết lập thang điểm này trên hệ thống.
- **Thang điểm xếp hạng rủi ro:** nhằm quy đổi từ tổng điểm điểm rủi ro của đối tượng được đánh giá sang mức độ rủi ro, thường có 3 mức cao/trung bình/thấp. Người dùng có thể thiết lập khoảng điểm tương ứng với từng mức rủi ro. Ví dụ: từ 1-3 điểm tương đương mức cao.

